

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về số lượng, chức danh, một số chế độ, chính sách
đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản,
khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
Căn cứ Luật Dân quân tự vệ năm 2009;
Căn cứ Pháp lệnh Công an xã năm 2008;
Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;
Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;
Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;
Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
Xét Tờ trình số 4905/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 504/BC-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy định về số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
2. Quy định mức khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
3. Quy định mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động ở thôn, bản, khu phố.
4. Quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, khu phố.

Điều 2. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo khoản 4 Điều 2 Nghị định 34/2019/NĐ-CP cụ thể như sau:

- a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I: Bố trí không quá 14 người.
- b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II: Bố trí không quá 12 người.
- c) Đơn vị hành chính cấp xã loại III: Bố trí không quá 10 người.

2. Chức danh

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí những người hoạt động không chuyên trách theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã trong số các chức danh dưới đây, nhưng tổng số không quá số lượng quy định cho một đơn vị cấp xã, cụ thể như sau:

- a) Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra;
- b) Phụ trách công tác tuyên truyền của cấp ủy;
- c) Chủ tịch Hội chữ thập đỏ;
- d) Chủ tịch Hội người cao tuổi;
- đ) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- e) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên;
- g) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- h) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- i) Phó Chủ tịch Hội Nông dân (đối với những đơn vị hành chính cấp xã có quy mô lớn về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp);
- k) Phụ trách công tác truyền thanh;
- l) Văn phòng Đảng ủy;
- m) Nhân viên thú y xã, phường, thị trấn;
- n) Phó trưởng công an (không phải là công an chính quy);
- o) Phó chỉ huy trưởng quân sự;
- p) Trưởng Ban bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn);
- q) Phó trưởng Ban bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn);
- r) Công an viên thường trực tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã (không phải là công an chính quy).

Điều 3. Khoản quỹ phụ cấp và quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Khoản quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I: Bằng 16,0 lần mức lương cơ sở/tháng;

- b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II: Bằng 13,7 lần mức lương cơ sở/tháng;
- c) Đơn vị hành chính cấp xã loại III: Bằng 11,4 lần mức lương cơ sở/tháng.

2. Mức phụ cấp hằng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

a) Trưởng Ban bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn) được hưởng 0,6 mức lương cơ sở/người/tháng;

b) Phó trưởng Ban bảo vệ dân phố được hưởng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng;

c) Các chức danh còn lại quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng 1,0 mức lương cơ sở/người/tháng.

Trường hợp một người đảm nhận nhiều chức danh không chuyên trách cấp xã (không quá 3 chức danh) mà giảm được người phụ trách chức danh không chuyên trách tương ứng thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm có mức cao nhất.

Kết thúc niên độ ngân sách, trường hợp Quỹ phụ cấp theo mức khoản sau khi đã thực hiện chi trả phụ cấp hàng tháng (bao gồm cả phụ cấp kiêm nhiệm nếu có), hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo quy định mà vẫn còn dư được sử dụng để bổ sung thu nhập tăng thêm cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

Điều 4. Khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị-xã hội ở cấp xã

Thực hiện khoản kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Hội Cựu chiến binh; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Nông dân; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở cấp xã.

Các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã ngoài lương, các khoản phụ cấp theo lương và định mức kinh phí hoạt động thường xuyên phân bổ theo định biên quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020, được khoán kinh phí, như sau:

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 125 triệu đồng/đơn vị/năm (đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân, mức khoán 100 triệu đồng/phường, thị trấn/năm).

2. Đơn vị hành chính cấp xã loại II: 115 triệu đồng/đơn vị/năm (đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân, mức khoán 90 triệu đồng/phường, thị trấn/năm).

3. Đơn vị hành chính cấp xã loại III: 100 triệu đồng/đơn vị/năm (đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân, mức khoán 80 triệu đồng/phường, thị trấn/năm).

4. Đơn vị hành chính cấp xã đặc thù, địa bàn rộng, dân số đông (trên 25.000 người): 165 triệu đồng/đơn vị/năm (đối với đơn vị hành chính cấp xã đặc thù, địa bàn rộng, dân số đông không có Hội nông dân, mức 130 triệu đồng/đơn vị/năm).

Điều 5. Khoản quỹ phụ cấp; quy định mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố

1. Khoản quỹ phụ cấp (bao gồm phụ cấp kiêm nhiệm và 3% bảo hiểm y tế) để chi trả phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới hoặc hải đảo: Bằng 5,0 lần mức lương cơ sở/thôn, bản/tháng;

b) Đối với thôn, bản, khu phố còn lại: Bằng 3,0 lần mức lương cơ sở/thôn, bản, khu phố/tháng.

2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố như sau:

a) Bí thư Chi bộ được hưởng 1,0 mức lương cơ sở/tháng;

b) Trưởng thôn, bản, khu phố được hưởng 1,0 mức lương cơ sở/tháng;

c) Trưởng Ban công tác Mặt trận 1,0 mức lương cơ sở/tháng.

(Trường hợp Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn, bản, khu phố được hưởng 1,8 mức lương cơ sở/tháng).

Kết thúc niên độ ngân sách, trường hợp Quỹ phụ cấp theo mức khoản trên sau khi đã thực hiện chi trả phụ cấp hàng tháng cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố theo quy định mà vẫn còn dư được sử dụng để bổ sung thu nhập tăng thêm cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố.

Điều 6. Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thôn, bản, khu phố

1. Mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thôn, bản, khu phố như sau:

a) Thôn, bản, khu phố loại I: 120 triệu đồng/năm;

b) Thôn, bản, khu phố loại II: 110 triệu đồng/năm;

c) Thôn, bản, khu phố loại III: 100 triệu đồng/năm;

d) Thôn, khu phố đặc thù (địa bàn rộng, có từ 800 hộ dân trở lên): 155 triệu đồng/năm.

2. Nội dung chi:

a) Kinh phí hỗ trợ hoạt động đối với thôn, bản, khu phố được chi cho các hoạt động thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; hoạt động của nhà văn hóa thôn, bản, khu phố; mua báo và tài liệu tuyên truyền; hoạt động của Ban công tác Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở thôn, bản, khu phố; hoạt động mừng Đảng, mừng xuân và chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, khu phố; hỗ trợ 3% bảo hiểm y tế đối với những người tham gia công việc ở thôn, bản, khu phố mà chưa được hưởng bảo hiểm y tế ở các chính sách khác (nếu có).

b) Những người tham gia công việc của thôn, bản, khu phố chỉ được hỗ trợ khi tham gia trực tiếp vào công việc của thôn, bản, khu phố. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ mức kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này, điều kiện thực tế của địa phương và đề nghị của Trưởng thôn, bản, khu phố duyệt phương án chi hỗ trợ cụ thể cho những người tham gia công việc của thôn, bản, khu phố (như: Phó Bí thư chi bộ; Phó Trưởng thôn, bản, khu phố; Thôn đội trưởng...) theo tính chất công việc được giao, mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng người phù hợp với quy định tài chính hiện hành, đảm bảo công bằng, khách quan, minh bạch và không vượt tổng mức kinh phí được hỗ trợ.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Các chế độ, chính sách; mức khoán, mức phụ cấp quy định tại Nghị quyết này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng, chức danh, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, khu phố; quy định mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và khoán kinh phí hoạt động của các thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh cần giải quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2019. / Nguyễn Xuân Kỳ

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Các bộ: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, TX, TP;
- UBND xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Kỳ